



CÔNG TY CỔ PHẦN IN
SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp In Sách Giáo Khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/11/2010.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số vốn huy động thêm qua đợt phát hành là 5.449.800.000 đồng (tương ứng 544.980 cổ phần). Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong năm 2010 được chính thức giao dịch ngày 19/01/2011.

Vốn điều lệ: 18.049.800.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà xuất bản Giáo dục: 21,14%
- Các cổ đông khác: 78,86%

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511. 3841257
- Fax: (84) 0511. 3841258

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Nhập khẩu vật tư thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất, kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành in;
- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị, dụng cụ giáo dục;
- Kinh doanh vận tải hàng, vận tải khách theo Hợp đồng;
- Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Bán buôn sách.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 105 người, trong đó nhân viên gián tiếp 14 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Phan Quang Thân	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Bà Trần Thị Vi Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Bà Đinh Châu Tâm Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Lê Bích Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
• Bà Nguyễn Thị Tuyết	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phan Quang Thân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/01/2004
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/01/2005
• Bà Đinh Châu Tâm Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/11/2005

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Phan Quang Thân

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 467/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/03/2011 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.291.425.509	13.613.787.434
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.820.970.670	3.585.653.430
1. Tiền	111		1.070.970.670	285.653.430
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.750.000.000	3.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.575.176.178	1.025.348.486
1. Phải thu khách hàng	131		5.210.199.042	886.295.528
2. Trả trước cho người bán	132		2.329.407.657	30.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	6	65.701.979	130.145.708
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30.132.500)	(21.092.750)
IV. Hàng tồn kho	140		10.361.809.477	8.733.702.083
1. Hàng tồn kho	141	7	10.361.809.477	8.733.702.083
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		533.469.184	269.083.435
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		518.592.184	257.899.842
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	14.877.000	11.183.593
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.301.697.013	6.341.908.080
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.809.309.413	5.738.644.280
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.185.232.241	5.129.504.280
- Nguyên giá	222		20.208.054.658	20.370.045.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.022.822.417)	(15.240.541.651)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	14.937.172	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	492.387.600	603.263.800
1. Đầu tư dài hạn khác	258		656.566.800	750.082.800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(164.179.200)	(146.819.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.593.122.522	19.955.695.514

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.720.421.566	5.713.256.987
I. Nợ ngắn hạn	310		8.647.971.742	5.672.615.293
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.600.000.000
2. Phải trả người bán	312		6.148.990.042	763.168.822
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	149.478.145	329.685.030
4. Phải trả người lao động	315		1.115.145.569	1.272.089.168
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.159.704.258	1.581.844.222
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		74.653.728	125.828.051
II. Nợ dài hạn	330		72.449.824	40.641.694
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		72.449.824	40.641.694
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.872.700.956	14.242.438.527
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.872.700.956	14.242.438.527
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	18.049.800.000	12.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	(40.038.500)	-
3. Cổ phiếu quỹ	414	15	(426.930.000)	(426.930.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	926.806.885	707.567.462
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	789.463.516	692.678.616
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	573.599.055	669.122.449
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.593.122.522	19.955.695.514



Giám đốc

Phan Quang Thân

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	35.162.016.699	26.634.004.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.429.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	16	35.162.016.699	26.632.575.397
4. Giá vốn hàng bán	11	17	31.297.347.768	23.039.574.725
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>3.864.668.931</u>	<u>3.593.000.672</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	623.869.401	457.559.093
7. Chi phí tài chính	22	19	44.316.733	(36.023.954)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.393.333	58.954.646
8. Chi phí bán hàng	24		92.947.496	76.009.866
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.145.386.848	2.092.508.796
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.205.887.255</u>	<u>1.918.065.057</u>
11. Thu nhập khác	31	20	407.344.150	1.392.643.946
12. Chi phí khác	32	21	166.382.896	899.641.231
13. Lợi nhuận khác	40		<u>240.961.254</u>	<u>493.002.715</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22	<u>2.446.848.509</u>	<u>2.411.067.772</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	291.911.079	287.001.847
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	22	<u>2.154.937.430</u>	<u>2.124.065.925</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.612	1.728



Giám đốc

Phan Quang Thân

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	34.057.508.648	27.563.464.481
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(23.809.869.472)	(20.823.606.055)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.520.460.317)	(5.673.384.573)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(26.393.333)	(58.954.646)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(486.300.549)	(26.801.833)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	188.940.118	4.525.403.614
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.237.809.784)	(4.858.377.427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	165.615.311	647.743.561
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.560.079.472)	(305.432.762)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	22.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(31.540.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	150.400.000	100.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	598.525.401	450.751.093
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(820.694.071)	245.918.331
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	5.429.756.000	-
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(426.930.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.515.000.000	3.200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.115.000.000)	(2.055.314.821)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.939.360.000)	(503.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.890.396.000	214.595.179
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.235.317.240	1.108.257.071
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.585.653.430	2.477.396.359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.820.970.670	3.585.653.430



Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phan Quang Thân

Đinh Châu Tâm Hạnh

Lê Quang Đình Thạnh

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo Khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh thứ 3 vào ngày 09/11/2010.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để tắt toán số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương được xác định bằng: 2,5 đồng/1 đồng lợi nhuận (đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 06/04/2010).

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam) được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 sau khi trừ thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm (đã dùng để tăng Quỹ đầu tư phát triển) đã tạm phân phối theo điều lệ như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	:5%
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	:25%
- Chia cổ tức	:10%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - ♦ Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm đầu (từ năm 2004 đến năm 2013). Từ năm 2014 áp dụng thuế suất 25%.
 - ♦ Công ty được miễn 2 năm và được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trong năm 2004 Công ty đã có thu nhập chịu thuế, Công ty được miễn thuế trong 2 năm (2004, 2005) và được giảm 50% trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2006 – 2011).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định của Chính phủ về luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

- ♦ Công ty được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán Hà Nội theo công văn số 5248/TC-CST ngày 29/4/2005 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội là giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến 2013).
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	51.029.069	95.934.242
Tiền gửi ngân hàng	1.019.941.601	189.719.188
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.750.000.000	3.300.000.000
Cộng	4.820.970.670	3.585.653.430

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu cổ phần hóa (cổ phần trả chậm của người lao động)	39.080.000	54.380.000
Phải thu khác	26.621.979	75.765.708
Cộng	65.701.979	130.145.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.325.315.940	6.954.464.147
Chi phí SX, KD dở dang	4.036.202.966	1.776.905.207
Hàng hóa	290.571	2.332.729
Cộng	10.361.809.477	8.733.702.083

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	14.877.000	11.183.593
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	14.877.000	11.183.593

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.891.609.656	16.915.215.716	515.413.858	47.806.701	20.370.045.931
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	161.991.273	-	-	161.991.273
Số cuối năm	2.891.609.656	16.753.224.443	515.413.858	47.806.701	20.208.054.658
Khấu hao					
Số đầu năm	2.386.868.914	12.293.223.925	515.413.858	45.034.954	15.240.541.651
Khấu hao trong kỳ	88.167.949	854.495.247	-	1.608.843	944.272.039
T/lý, nhượng bán	-	161.991.273	-	-	161.991.273
Số cuối năm	2.475.036.863	12.985.727.899	515.413.858	46.643.797	16.022.822.417
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	504.740.742	4.621.991.791	-	2.771.747	5.129.504.280
Số cuối kỳ	416.572.793	3.767.496.544	-	1.162.904	4.185.232.241

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 8.420.891.661 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá: 609.140.000 đồng tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định này.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình Nhà hội trường	14.937.172	
Cộng	14.937.172	-

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	31/12/2010 VND	Số lượng	31/12/2009 VND
Đầu tư cổ phiếu	46.308	656.566.800	51.154	750.082.800
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học TP. HCM	24.000	375.152.000	32.000	500.208.000
- Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	308	7.414.800	154	5.874.800
- Công ty CP đầu tư & Phát triển giáo dục Đà Nẵng	3.000	84.000.000	3.000	84.000.000
- Công ty CP học liệu Hà Nội (i)	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Quảng Ngãi (i)	6.000	60.000.000	6.000	60.000.000
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Miền Trung (i)	3.000	30.000.000	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)		(164.179.200)		(146.819.000)
Cộng	46.308	492.387.600	51.154	603.263.800

(i) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối kỳ. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Là dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng. Cơ sở trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của các cổ phiếu này tại ngày 31/12/2010 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.053.611	239.443.081
Thuế thu nhập cá nhân	24.424.534	10.241.949
Các loại thuế khác	80.000.000	80.000.000
Cộng	149.478.145	329.685.030

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	166.470.391	116.014.651
Phải trả về cổ phần hoá	39.080.000	81.060.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	954.153.867	1.384.769.571
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>726.192.000</i>	<i>1.215.040.000</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>227.961.867</i>	<i>169.729.571</i>
Cộng	1.159.704.258	1.581.844.222

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND
Số dư tại 01/01/2009	12.600.000.000			445.491.638	600.023.856	579.929.378
Tăng trong năm			(426.930.000)	262.075.824	93.099.505	2.124.065.925
Giảm trong năm					444.745	2.034.872.854
Số dư tại 31/12/2009	12.600.000.000	-	(426.930.000)	707.567.462	692.678.616	669.122.449
Số dư tại 01/01/2010	12.600.000.000	-	(426.930.000)	707.567.462	692.678.616	669.122.449
Tăng trong năm	5.449.800.000	(40.038.500)		219.239.423	96.784.900	2.154.937.430
Giảm trong năm						2.250.460.824
Số dư tại 31/12/2010	18.049.800.000	(40.038.500)	(426.930.000)	926.806.885	789.463.516	573.599.055

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn đầu tư của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.816.000.000	3.906.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	13.775.800.000	8.236.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	458.000.000	458.000.000
Cộng	18.049.800.000	12.600.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp đầy đủ vốn	1.804.980	1.260.000
- Cổ phiếu thường	1.804.980	1.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu quỹ	45.800	45.800
- Cổ phiếu thường	45.800	45.800
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.759.180	1.214.200
- Cổ phiếu thường	1.759.180	1.214.200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	669.122.449	579.929.378
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.154.937.430	2.124.065.925
Phân phối lợi nhuận	2.250.460.824	2.034.872.854
Phân phối bổ sung lợi nhuận năm trước	34.026.363	-
- Quỹ đầu tư phát triển bổ sung từ thuế TNDN được miễn giảm	26.735.000	
- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.215.227	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6.076.136	
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	2.216.434.461	2.034.872.854
- Quỹ đầu tư phát triển bổ sung từ thuế TNDN được miễn giảm	192.504.423	262.075.824
- Trích quỹ dự phòng tài chính	95.569.673	93.099.505
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	477.848.365	465.497.525
- Chia cổ tức cho các cổ đông	1.450.512.000	1.214.200.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	573.599.055	669.122.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

- Thực hiện Nghị quyết số 02/ĐHCD ngày 06/4/2010, trong tháng 04/2010, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2009 cho các cổ đông theo tỷ lệ 10% (tương ứng 1.214.200.000 đồng)
- Trong tháng 9/2010, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 6% (tương ứng 728.520.000 đồng)
- Ngày 28/12/2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định sẽ chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 với tỷ lệ 4% (tương ứng 721.992.000). Công ty đã công bố ngày chốt danh sách cổ đông là 15/3/2011 và dự kiến chi trả cổ tức ngày 25/4/2011.

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	VND
Tổng doanh thu	35.162.016.699	26.634.004.597
+ Doanh thu in ấn, cắt rọc	27.788.136.163	23.809.648.472
+ Doanh thu khác	7.373.880.536	2.824.356.125
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.429.200
+ Chiết khấu thương mại		
+ Hàng bán bị trả lại		1.429.200
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.162.016.699	26.632.575.397
+ Doanh thu thuần in ấn, cắt rọc	27.788.136.163	23.809.648.472
+ Doanh thu thuần khác	7.373.880.536	2.822.926.925

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	24.352.232.975	20.350.319.017
Giá vốn hoạt động khác	6.945.114.793	2.689.255.708
Cộng	31.297.347.768	23.039.574.725

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	551.840.601	419.649.947
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.684.800	15.639.167
Lãi bán cổ phiếu	25.344.000	6.808.000
Lãi góp vốn phát hành lịch bloc		15.461.979
Cộng	623.869.401	457.559.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	26.393.333	58.954.646
Chi phí bán cổ phiếu	563.000	402.400
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	17.360.400	(95.381.000)
Cộng	44.316.733	(36.023.954)

20. Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu tiền bán phế liệu	387.344.150	391.654.118
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất		906.553.039
Nhập mực, giấy tiết kiệm khâu cắt rọc		94.436.789
Bán thanh lý tài sản cố định	20.000.000	-
Cộng	407.344.150	1.392.643.946

21. Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Phụ cấp HĐQT, Ban kiểm soát không tham gia điều hành	45.050.000	39.500.000
Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất		830.370.068
Chi khác	121.332.896	29.771.163
Cộng	166.382.896	899.641.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.446.848.509	2.411.067.772
- Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1.798.378.902	1.311.718.180
- Từ hoạt động khác	648.469.607	1.099.349.592
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	79.980.529	63.392.973
Điều chỉnh tăng	126.665.329	91.121.163
Chi phí không hợp lệ	126.665.329	91.121.163
Điều chỉnh giảm	46.684.800	27.728.190
Cổ tức lợi nhuận được chia	46.684.800	27.728.190
Tổng thu nhập chịu thuế	2.526.829.038	2.474.460.745
- Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1.925.044.231	1.390.750.320
- Từ hoạt động khác	601.784.807	1.083.710.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp	535.455.049	549.077.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	192.504.423	262.075.824
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	291.911.079	287.001.847
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	342.950.625	287.001.847
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay theo CV 7250	(51.039.546)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.154.937.430	2.124.065.925

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.154.937.430	2.124.065.925
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.154.937.430	2.124.065.925
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.336.634	1.229.035
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.612	1.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm 2010

	Mối quan hệ	Năm 2010 VND
Bán hàng		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Công ty đầu tư	25.399.341.250
Chi nhánh NXBGD tại Cần Thơ	Công ty đầu tư	122.101.688
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục ĐN	Chung công ty đầu tư	1.829.768.952
Công ty CP SGD tại Tp Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	897.722.815
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	10.754.000
Công ty CP in Diên Hồng	Chung công ty đầu tư	49.280.000
Mua hàng		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Công ty đầu tư	187.212.031
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục ĐN	Chung công ty đầu tư	12.897.648
Công ty CP SGD tại Tp Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	19.166.680
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	12.897.648

b. Số dư với các bên có liên quan tại ngày khóa sổ kế toán

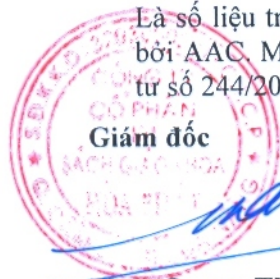
	Mối quan hệ	Năm 2010 VND
Phải thu khách hàng		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Công ty đầu tư	1.809.750.308
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục ĐN	Chung công ty đầu tư	62.646.578
Công ty CP SGD tại Tp Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	65.111.714
Công ty CP in Diên Hồng	Chung công ty đầu tư	49.280.000

25. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

26. Số liệu so sánh

Là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên các báo cáo trên đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.



Giám đốc

Phan Quang Thân

Kế toán trưởng

Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2011